

**ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC**

**BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 05/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 04/05/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	27217226221	Nguyễn Đắc Cường	23/03/2003	Đà Nẵng	32CBN1	3.7	0.5	Không Đạt	
2	29206937700	Trần Thị Diễm	07/09/2005	Đà Nẵng	32CBN1	9.3	3.5	Không Đạt	
3	28218150189	Trần Cao Văn	27/09/2004	Quảng Nam	32CBN1	5.0	5.5	Đạt	
4	29214556842	Nguyễn Anh Khôi	30/08/2005	Đà Nẵng	32CBN1	7.3	9.5	Đạt	
5	27214340727	Trần Cảnh Linh	26/10/2003	Quảng Nam	32CBN1	8.7	6.8	Đạt	
6	28212302383	Nguyễn Công Lộc	31/01/2004	Đà Nẵng	32CBN1	10.0	7.5	Đạt	
7	29204962427	Trương Thị Tuyết Mai	13/06/2005	Quảng Bình	32CBN1	8.7	5.0	Đạt	
8	27204335977	Đỗ An Nguyên	19/09/2003	Hà Nội	32CBN1	V	V	Không Đạt	
9	28212351821	Doãn Nguyên	11/05/2004	Bình Triều	32CBN1	9.7	8.8	Đạt	
10	29207257451	Nguyễn Hà Thu Sương	27/10/2005	Đà Nẵng	32CBN1	8.0	8.3	Đạt	
11	28213505495	Nguyễn Phan Thành Tài	21/10/2002	Quảng Nam	32CBN1	8.7	9.3	Đạt	
12	29206954641	Phan Thị Khánh Tâm	07/10/2005	Quảng Nam	32CBN1	8.0	5.3	Đạt	
13	28204723689	Nguyễn Thị Thi Thảo	08/01/2004	Đà Nẵng	32CBN1	10.0	9.8	Đạt	
14	29204520559	Lê Vũ Diệu Thảo	20/04/2005	Gia Lai	32CBN1	8.7	9.8	Đạt	
15	28204654839	Nguyễn Thanh Minh Thơ	23/10/2004	Đà Nẵng	32CBN1	V	V	Không Đạt	
16	29206765556	Hoàng Thị Thu	03/07/2003	Lạng Sơn	32CBN1	7.7	4.3	Không Đạt	
17	29204134497	Lê Thị Minh Thư	19/09/2005	Quảng Nam	32CBN1	9.7	7.5	Đạt	
18	28208140356	Lê Thị Thanh Thương	18/10/2004	Đà Nẵng	32CBN1	8.7	6.6	Đạt	
19	29206751570	Nguyễn Thị Út Thương	11/12/2005	Đắk Lắk	32CBN1	9.0	7.8	Đạt	
20	28212342657	Văn Thành Trí	04/06/2004	Đà Nẵng	32CBN1	6.3	7.0	Đạt	
21	27214300075	Lương Hoàng Trung	17/03/2003	Bình Định	32CBN1	6.3	6.0	Đạt	
22	28210202364	Nguyễn Thanh Trung	05/10/2004	Hà Tĩnh	32CBN1	5.7	2.8	Không Đạt	
23	27214340234	Huỳnh Ngọc Đan Trường	08/03/2003	Đà Nẵng	32CBN1	8.3	9.0	Đạt	
24	29204755474	Nguyễn Khánh Vân	05/12/2005	Đà Nẵng	32CBN1	9.3	8.8	Đạt	
25	28212602860	Trần Lê Anh Việt	19/04/2004	Khánh Hòa	32CBN1	8.7	9.5	Đạt	
26	29214750212	Nguyễn Thị Mỹ Vy	08/08/2005	Đắk Lắk	32CBN1	9.3	5.8	Đạt	
27	26203122892	Nguyễn Vũ Quỳnh Anh	25/10/1999	Đà Nẵng	32CHT2	7.0	9.5	Đạt	
28	29206954322	Nguyễn Thị Kim Anh	24/12/2005	Đà Nẵng	32CHT2	8.3	6.8	Đạt	
29	29216249248	Nguyễn Phạm Gia Bảo	16/10/2005	Đà Nẵng	32CHT2	8.3	6.5	Đạt	
30	28206702988	Nguyễn Thị Thu Duyên	03/12/2004	Đà Nẵng	32CHT2	3.7	4.3	Không Đạt	
31	29200357982	Nguyễn Gia Hân	13/06/2005	Đà Nẵng	32CHT2	9.0	8.0	Đạt	
32	28212300532	Lê Huy Hoàng	19/04/2004	Gia Lai	32CHT2	8.0	8.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
33	28212343555	Ngô Nguyễn Hoàng	Khang	18/09/2004	Kon Tum	32CHT2	H	H	Không Đạt	
34	0866967283	Lê Thanh	Kiệt	14/07/2004	Bình Định	32CHT2	10.0	7.8	Đạt	
35	28212306604	Nguyễn Văn	Linh	24/10/2004	Gia Lai	32CHT2	9.3	6.3	Đạt	
36	29206761694	Nguyễn Minh	Lý	30/06/2005	Đà Nẵng	32CHT2	10.0	7.0	Đạt	
37	28204652451	Võ Trà	My	23/07/2004	Quảng Ngãi	32CHT2	V	V	Không Đạt	
38	28206741170	Trịnh Kim	Phượng	17/10/2004	Đà Nẵng	32CHT2	8.7	3.4	Không Đạt	
39	29206957634	Huỳnh Võ Mỹ	Quyên	23/03/2005	Đà Nẵng	32CHT2	7.0	5.0	Đạt	
40	29200338136	Nguyễn Như	Quỳnh	19/12/2005	Đà Nẵng	32CHT2	7.0	5.0	Đạt	
41	29208050235	Tô Thị	Quỳnh	01/10/2005	Thanh Hoá	32CHT2	5.7	1.8	Không Đạt	
42	29207329617	Lê Thị Thanh	Thảo	23/08/2005	Đà Nẵng	32CHT2	4.3	5.0	Không Đạt	
43	29206758094	Nguyễn Thị Bích	Thu	02/09/2005	Đà Nẵng	32CHT2	9.0	4.0	Không Đạt	
44	29216639444	Nguyễn Lê Tường	Thuật	10/09/2005	Đà Nẵng	32CHT2	10.0	10.0	Đạt	
45	29208156068	Nguyễn Thị Minh	Thúy	16/11/2005	Đà Nẵng	32CHT2	3.7	1.8	Không Đạt	
46	28212301873	Cao Quốc	Toàn	07/01/2004	Đắk Lắk	32CHT2	5.0	5.5	Đạt	
47	29204347088	Trần Thị Thuỳ	Trâm	26/08/2005	Đà Nẵng	32CHT2	8.7	6.3	Đạt	
48	29213120134	Trương Công	Trương	05/11/2005	Huế	32CHT2	6.7	5.3	Đạt	
49	29204534845	Trịnh Thị Ngọc	Tú	17/07/2005	Đà Nẵng	32CHT2	8.0	9.8	Đạt	
50	28204653916	Lê Thị Hải	Yến	25/08/2004	Quảng Bình	32CHT2	4.3	5.0	Không Đạt	
51	29208457177	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	31/01/2005	Đà Nẵng	32TBN2	V	V	Không Đạt	
52	29208050328	Nguyễn Thị Mai	Chang	04/03/2005	Hải Dương	32TBN2	9.0	7.0	Đạt	
53	29204659043	Lê Thị Thuý	Diễm	25/05/2005	Đà Nẵng	32TBN2	7.0	4.0	Không Đạt	
54	31205274241	Ngô Thị Nhon	Duyên	19/08/2007	Đà Nẵng	32TBN2	7.7	8.8	Đạt	
55	28206252145	Trần Thu	Hà	25/12/2004	Quảng Ngãi	32TBN2	8.0	8.8	Đạt	
56	29206558612	Phạm Thị Ngọc	Hằng	16/01/2005	Quảng Ngãi	32TBN2	8.7	6.5	Đạt	
57	29206534617	Nguyễn Mỹ	Hạnh	23/07/2005	Đà Nẵng	32TBN2	7.7	5.0	Đạt	
58	28212345935	Ung Nho	Hậu	06/05/2004	Đà Nẵng	32TBN2	9.0	6.0	Đạt	
59	29208064426	Trần Thị Mỹ	Hiệp	15/01/2005	Đà Nẵng	32TBN2	9.0	9.8	Đạt	
60	29208120544	Ngô Thị Tuyết	Hoa	16/01/2005	Đà Nẵng	32TBN2	8.3	3.8	Không Đạt	
61	25216100497	Lê Phước	Huy	20/04/1999	Đà Nẵng	32TBN2	6.7	5.0	Đạt	
62	28214331267	Hồ Hoàng	Khang	17/11/2004	Phú Yên	32TBN2	6.0	3.5	Không Đạt	
63	29214300079	Hồ Phan Minh	Khoa	19/12/2005	Đà Nẵng	32TBN2	7.3	5.0	Đạt	
64	28204941092	Nguyễn Thị Bảo	Linh	04/07/2004	Hà Tĩnh	32TBN2	3.3	5.3	Không Đạt	
65	29200322355	Hồ Thị Thùy	Linh	21/05/2005	Đà Nẵng	32TBN2	7.7	6.3	Đạt	
66	29208121503	Phạm Ngọc	Linh	10/05/2005	Đà Nẵng	32TBN2	8.3	5.8	Đạt	
67	29208122631	Lê Thị Hà	My	29/09/2005	Đà Nẵng	32TBN2	8.3	9.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	27212236796	Nguyễn Tấn Nền	05/04/2003	Quảng Ngãi	32TBN2	3.7	1.8	Không Đạt	
69	29204657834	Đỗ Hà Thu	25/12/2005	Quy Nhơn	32TBN2	6.7	5.3	Đạt	
70	28204342280	Đỗ Thị Bích Ngọc	09/02/2004	Quảng Nam	32TBN2	V	V	Không Đạt	
71	29204658305	Nguyễn Thị Quỳnh Như	05/03/2005	Quảng Bình	32TBN2	5.3	5.0	Đạt	
72	29204762063	Lê Thị Như	18/03/2005	Đắk Lắk	32TBN2	4.3	5.0	Không Đạt	
73	29208047923	Nguyễn Thị Kiều Oanh	28/08/2005	Đà Nẵng	32TBN2	8.0	9.3	Đạt	
74	28212304653	Nguyễn Văn Thắng	13/09/2003	Gia Lai	32TBN2	4.0	2.0	Không Đạt	
75	29204633492	Trần Thị Thùy Thanh	08/04/2005	Đắk Lắk	32TBN2	9.0	5.0	Đạt	
76	29204623664	Thạch Phương Diệu Thiện	25/12/2005	Đắk Lắk	32TBN2	5.3	4.3	Không Đạt	
77	31204672015	Nguyễn Lê Phương Thùy	27/10/2007	Gia Lai	32TBN2	6.7	8.3	Đạt	
78	29212354402	Trần Tấn Tiên	22/06/2001	Quảng Nam	32TBN2	6.3	5.8	Đạt	
79	29206737801	Hoàng Thị Tình	15/09/2005	Quảng Bình	32TBN2	7.7	7.3	Đạt	
80	30208144161	Hoàng Thị Thanh Trúc	10/05/2005	Đà Nẵng	32TBN2	5.0	5.8	Đạt	
81	29212340348	Trịnh Hoàng Tuấn	05/05/2005	Đà Nẵng	32TBN2	6.0	5.8	Đạt	
82	28212303612	Hồ Song Văn	04/01/2004	Quảng Trị	32TBN2	8.7	8.8	Đạt	
83	28208006949	Lê Thị Thuận	28/07/2004	Quảng Nam	31CBN11	4.7	5.8	Không Đạt	
84	28202805862	Trần Hoàng Nhật Vy	06/08/2004	Đà Nẵng	31CBN11	6.0	5.3	Đạt	
85	28214351530	Nguyễn Văn An	28/01/2004	Đà Nẵng	31CHT11	5.7	5.3	Đạt	
86	29206543282	Đỗ Hoàng Trang	02/01/2005	Quảng Nam	31TBN16	8.0	7.3	Đạt	
87	28216653542	Nguyễn Thành Đạt	09/10/2004	Đà Nẵng	31TBN18	5.3	3.0	Không Đạt	
88	28212742912	Huỳnh Tiến Thành	27/08/2004	Đà Nẵng	31TBN18	7.0	9.3	Đạt	
89	29206546815	Nguyễn Thị An	10/01/2005	Gia Lai	31TBN19	9.3	5.3	Đạt	
90	29206221927	Lê Châu Thảo Nguyên	25/05/2005	Quảng Nam	31TBN19	5.7	2.3	Không Đạt	
91	28204905601	Nguyễn Thị Thu Hiền	16/01/2004	Quảng Trị	31THT18	9.3	5.0	Đạt	
92	27212100962	Mai Quốc Đạt	17/05/2002	Đà Nẵng	31THT19	2.7	6.4	Không Đạt	
93	28208052750	Lê Thị Phương Vy	02/01/2002	Đắk Lắk	31TSC16	5.0	3.8	Không Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh